TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CÀ MAU** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 221/2017/HNGĐ-ST
Ngày 21 – 9 - 2017
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :***

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Oanh
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Nguyễn Hoàng Dân
Ông Huỳnh Minh Bền
- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Ngọc Hân - là thư ký Tòa án

Ngày 21 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 669/2017/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2017, về việc xin ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 735/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 9 năm 2017, giữa:

- *Nguyên đơn:* Bà Đào Thị Minh K, sinh năm 1952 (có mặt)
Địa chỉ: đường X, khóm A, Phường B, Tp C, tỉnh Cà Mau
- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1947 (xin vắng mặt)
Địa chỉ: Nhà không số, Khóm S, Phường H, Tp C, tỉnh Cà Mau

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 21/8/2017 và lời trình bày của nguyên đơn là bà Đào Thị Minh K trong quá trình giải quyết vụ án, được bổ sung tại phiên tòa thể hiện:

Về hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Văn Đ chung sống với nhau vào năm 1977, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường M, thị xã C, tỉnh Minh Hải cũ, nay là Tp C, tỉnh Cà Mau. Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn đã bị mất từ lâu và không nhớ bị mất vào thời gian nào. Quá trình chung sống, hôn nhân không hòa hợp, xảy ra nhiều mâu thuẫn và đã ly thân nhau 33 năm nay. Do không hàn gắn được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Đ.

Về con chung: có 02 con chung tên là Nguyễn Minh D, sinh năm 1979 và Nguyễn Minh T, sinh năm 1983. Đối với Nguyễn Minh T đã chết năm 2016, còn Nguyễn Minh D hiện nay đã trưởng thành nên không đề cập đến việc nuôi dưỡng và cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà xác định không có.

Về nợ chung: không có.

Tại bản tự khai ngày 13/9/2017 của bị đơn là ông Nguyễn Văn Đ thể hiện:

Về hôn nhân: Ông và bà Đào Thị Minh K kết hôn với nhau vào năm 1977, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường Phường M, thị xã C, tỉnh Minh Hải cũ. Quá trình chung sống, có một vài mâu thuẫn và đã tự ý không sống chung với nhau cách đây 30 năm. Nay xét thấy không thể hòa hợp được nên ông đồng ý ly hôn với bà K.

Về con chung: có con chung tên là Nguyễn Minh D, sinh năm 1979, hiện nay đã trưởng thành nên không yêu cầu tòa án giải quyết, còn Nguyễn Minh T đã chết năm 2016.

Về tài sản chung: không có.

Về nợ chung: không có.

Do bận công việc nên ông yêu cầu được vắng mặt tại các phiên họp, hòa giải và phiên tòa xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Do ông Nguyễn Văn Đ có yêu cầu vắng mặt, không tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cân công khai chứng cứ, hòa giải và phiên tòa xét xử có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Đ theo quy định tại các Điều 207 và điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Nội dung các đương sự tranh chấp được xác định là ly hôn nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[3] Về hôn nhân, bà K và ông Đ đều khai ông bà kết hôn với nhau vào năm 1977, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân Phường Phường M, thị xã C, tỉnh Minh Hải cũ nay là thành phố C, tỉnh Cà Mau nhưng giấy chứng nhận đăng ký kết hôn đã bị mất, trong khi Ủy ban nhân dân Phường M, Tp C, tỉnh Cà Mau xác nhận "Qua tra cứu tàng thư hộ tịch, hiện tại sổ bộ kết hôn năm 1977 không còn lưu trữ", vì vậy chấp nhận lời khai của ông bà và xác định hôn nhân của ông bà là hợp pháp. Xét thực tế cuộc sống vợ chồng giữa bà K và ông Đ đã có mâu thuẫn với nhau từ lâu, không thể hàn gắn được, hiện nay bà K và ông Đ thuận tình ly hôn với nhau trên tinh thần tự nguyện và phù hợp quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: có 02 con chung tên là Nguyễn Minh D, sinh năm 1979 và Nguyễn Minh T, sinh năm 1983. Đối với Nguyễn Minh T đã chết năm 2016, còn Nguyễn Minh D hiện nay đã trưởng thành nên không đề cập xem xét việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không có.

Về nợ chung: không có.

[6] Bà K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 147, 207, 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 của Pháp lệnh án phí và lệ phí Tòa án; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu,

miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình;

1/ Về hôn nhân: Chấp nhận cho bà Đào Thị Minh K và ông Nguyễn Văn Đ thuận tình ly hôn với nhau.

2/ Về con chung: Nguyễn Minh D, sinh năm 1979 hiện nay đã trưởng thành nên không đề cập xem xét đến việc nuôi dưỡng và cấp dưỡng nuôi con.

3/ Về tài sản chung, nợ chung: không có.

4/ Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình là 300.000đ, bà K phải chịu. Bà K đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000đ theo biên lai số 0003572 vào ngày 22/8/2017, được đối trừ, bà K đã nộp đủ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bà K có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Đ có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND Tp C;
- UBND Phường M, Tp Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(đã ký)

Lê Thị Kim Oanh